

Số: 4290/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **23** tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi phí xây dựng
Dự án: Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi
khí hậu vùng đầm Thị Nại - tỉnh Bình Định**

Hạng mục: Đê xã Phước Sơn và đê xã Phước Hòa (bổ sung)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3685/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại;

Căn cứ Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán Nhiệm vụ khảo sát, lập thiết kế BVTC hạng mục Đê xã Phước Sơn và đê xã Phước Hòa, thuộc dự án Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại;

Căn cứ văn bản số 4207/SNN-QLXDCT ngày 22/11/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế BVTC-DT xây lắp và thiết bị, hạng mục đê xã Phước Sơn và đê xã Phước Hòa (bổ sung), dự án Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 47/TTr-BQL ngày 22/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi phí xây dựng Hạng mục đê xã Phước Sơn và đê xã Phước Hòa (bổ sung), dự án Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Dự án Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại – tỉnh Bình Định.

Hạng mục Đê xã Phước Sơn và đê xã Phước Hòa (bổ sung).

2. Cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, nhóm B.

- Cấp công trình: Đê cấp IV.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

4. Địa điểm xây dựng: Huyện Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng miền Trung.

6. Chủ nhiệm công trình: Đỗ Cảnh Hào.

7. Nội dung thiết kế và thông số kỹ thuật chủ yếu:

7.1. Đê phường Nhơn Bình:

- Sửa chữa chân khay đê đoạn từ $K_9+63,7m$ đến $K_9+295,2m$ dài $L=231,5m$ (đê Hà Lan) với phương án đổ bù đá rỗng chân khay.

- Thay mới cửa tràn cũ vật liệu composite bằng thép không gỉ tràn Quy Nhơn 3 (35 cửa).

7.2. Đê xã Phước Thuận: Thay mới cửa tràn cũ vật liệu composite bằng thép không gỉ các tràn Cao Doan 1 (13 cửa) và tràn Công Xi (35 cửa).

7.3. Đê xã Phước Sơn: Thay mới cửa tràn cũ vật liệu composite bằng thép không gỉ các tràn Vinh Quang 1 (40 cửa), tràn Vinh Quang 2 (110 cửa) và tràn Lộc Thượng (35 cửa).

7.4. Đê xã Phước Hòa:

a) Phần xây dựng đê:

- Chiều dài tuyến đê: Nâng cấp tuyến đê dài 2.942,7m, bao gồm: i) Đoạn 1: Từ $Km_{29}+573m$ đến $Km_{31}+319m$ (Hạ lưu cầu Gò Bồi đến đầu đê đã XD năm 2014) dài 1751,9m; ii) Đoạn 2: Từ $Km_{31}+520m$ đến $Km_{32}+690m$ (Cuối đê đã XD năm 2014 đến công Tân Giản) dài 1190,8m.

- Kết cấu thân đê: Đắp đất đồi đầm chặt $K=0,95$, riêng lớp đất tiếp giáp với bê tông mặt đê đầm chặt $K=0,98$.

- Gia cố chân đê: Những đoạn có chiều dài nhỏ hơn 5,0m, gia cố bằng đầm bê tông M250, kích thước $b \times h=30 \times 50cm$. Những đoạn có chiều dài lớn hơn 5,0m, gia cố bằng đầm bê tông cốt thép M300, kích thước $b \times h=30 \times 50cm$. Riêng những đoạn có cao trình mặt đất tự nhiên, nhỏ hơn 0,00 gia cố thêm lạng trụ đá

hộc đồ rời có đỉnh rộng 1,30m, hệ số mái $m=2,0$; đối với các đoạn có cao trình chân đồng đá lớn hơn (-1,20) được gia cố thêm cọc tre mật độ 20cm/cọc.

- Kết cấu mái dề:

+ Mái dề phía sông: Gia cố bằng tấm bê tông 45x45x10 cm, đệm dầm 2x4 dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung vây bê tông cốt thép M300 đá 1x2 kích thước $b \times h = 25 \times 30$ cm, cắt nhịp dài 11,45m bằng giấy dầu nhựa đường. Riêng những đoạn có chiều dài lớn hơn 5,0m, tăng cường dầm ngang mái kích thước $b \times h = 25 \times 30$ cm. Hệ số mái $m=2,5$.

+ Mái dề phía đồng: Những đoạn có chiều dài mái lớn hơn 1,0m, gia cố mái bằng, bê tông đổ tại chỗ M250 đá 1x2 dày 12cm, bố trí ống thoát nước thân dề D50, vải địa kỹ thuật bọc đầu ống. Những đoạn có chiều dài mái nhỏ hơn hoặc bằng 1,0m, trồng cỏ bảo vệ mái. Hệ số mái $m=2$.

- Tường dề: Kết cấu tường trên dề bằng bê tông M250 đá 2x4, chiều cao và bề rộng chân tường, thay đổi để phù hợp với mặt đất tự nhiên từng đoạn. Được áp dụng cho những đoạn dề qua khu dân cư không gia cố mái nghiêng được thì thay bằng tường thẳng đứng bê tông M250, đá 2x4.

- Kết cấu mặt dề: Mặt dề kết hợp giao thông, rộng 5m, tải trọng H10, kết cấu đổ bê tông đá 2x4, M300 dày 20cm.

- Cao trình đỉnh dề: Đoạn từ cầu Gò Bồi đến sau nhà bia Tân Giản: Cao trình từ +1,82m đến +2,93m. Đoạn từ sau nhà bia Tân Giản đến đoạn dề xây dựng năm 2014: Cao trình +2,00m. Đoạn từ cuối đoạn dề xây dựng năm 2014 đến nhà quản lý dề Tân Giản: Cao trình +1,80m.

b) Công trình trên dề:

i) Sửa chữa, nâng cấp các tràn Hà Gạch (40 cửa), tràn Phước Thắng (50 cửa), tràn Tân Giản (40 cửa) và tràn Đập Mới (35 cửa) để đảm bảo ngăn mặn, thoát lũ, kết hợp giao thông, cứu hộ, cứu nạn trong mùa mưa lũ. Chi tiết như sau:

- Tràn Hà Gạch (40 cửa): Mở rộng mặt tràn về phía đồng đủ bề rộng $B=5,0$ m, mái tràn phía đồng đổ bê tông M250 đá 2x4 dày 20cm. Mặt tràn phần mở rộng đổ bê tông cốt thép M300 dày 20cm, phần tràn cũ đổ bê tông dày 10cm. Cao trình ngưỡng tràn +0,75m. Mở rộng và kéo dài dốc tràn $L = 15,0$ m để thuận lợi giao thông. Thay mới cửa tràn bằng thép không gỉ SUS304.

- Tràn Phước Thắng (50 cửa): Mở rộng mặt tràn về phía đồng đủ bề rộng $B=5,0$ m, mái tràn phía đồng đổ bê tông M250 đá 2x4 dày 20cm. Mặt tràn phần mở rộng đổ bê tông cốt thép M300 dày 20cm, phần tràn cũ đổ bê tông dày 10cm. Cao trình ngưỡng tràn +0,9m. Mở rộng và kéo dài dốc tràn $L = 15,0$ m để thuận lợi giao thông. Thay mới cửa tràn bằng thép không gỉ SUS304. Cổng ngầm dưới tràn (2 cửa): Giữ nguyên thân cổng cũ, làm mới kéo dài thêm thân cổng bê tông cốt thép M300 về phía đồng 3,5m theo bề rộng mặt dề.

- Trần Tân Giản (40 cửa): Thay cửa trần bằng thép không gỉ inox sus 304 thay thế cửa bằng composite đã hư hỏng.

- Trần Đập Mới (35 cửa): Mở rộng mặt trần về phía đông đủ bề rộng $B=5,0m$, mái trần phía đông đổ bê tông M250 đá 2x4 dày 20cm. Mặt trần phần mở rộng đổ bê tông cốt thép M300 dày 20cm, phần trần cũ đổ bê tông dày 10cm. Cao trình ngưỡng trần $+0,70m$. Mở rộng và kéo dài dốc trần $L = 8,0m$ để thuận lợi giao thông. Thay mới cửa trần bằng thép không gỉ SUS304.

ii) Sửa chữa, nâng cấp các cống Tân Giản (02 cửa), cống Hà Gạch (05 cửa), cống Đồng Cói (03 cửa) để đảm bảo ngăn mặn, thoát lũ, kết hợp giao thông, cứu hộ, cứu nạn trong mùa mưa lũ. Chi tiết như sau:

- Cống Tân Giản (02 cửa): Mở rộng mặt cống về phía đông đủ bề rộng $B=5,0m$ (hiện tại mặt cống rộng 4,1m). Giữ nguyên thân cống cũ, làm mới kéo dài thêm thân cống bằng bê tông cốt thép M300 về phía đông, theo bề rộng mặt đê. Mặt cống nâng cấp sửa chữa đủ chịu tải trọng H10.

- Cống Hà Gạch (5 cửa): Mở rộng mặt cống về phía đông đủ bề rộng $B=5,0m$ (hiện tại mặt cống rộng 2,5m). Giữ nguyên thân cống cũ, làm mới kéo dài thêm thân cống bê tông cốt thép M300 về phía đông, theo bề rộng mặt đê. Mặt cống nâng cấp sửa chữa đủ chịu tải trọng H10. Trụ cầu công tác phá dỡ làm mới, thay mới cửa van bằng thép không gỉ SUS304, vận hành bằng máy vitsme V10 (SUS 304) chạy điện kết hợp quay tay.

- Cống Đồng Cói (03 cửa): Mở rộng mặt cống về phía đông đủ bề rộng $B=5,0m$ (hiện tại mặt cống rộng 2,7m). Giữ nguyên thân cống cũ, làm mới kéo dài thêm thân cống bê tông cốt thép M300 về phía đông, theo bề rộng mặt đê. Mặt cống nâng cấp sửa chữa đủ chịu tải trọng H10. Làm mới sàn cầu công tác, thay mới cửa van bằng thép không gỉ SUS304, vận hành bằng máy vitsme V10 (SUS 304) chạy điện kết hợp quay tay.

iii) Xây dựng mới cống Đập Mới (4 cửa): Tháo dỡ cống cũ (4 cửa x 4m) đã hư hỏng, xây dựng mới cống (4 cửa x 4m) kết cấu bằng bê tông cốt thép M300 tại vị trí cống cũ, bề rộng mặt cống 8,00m, hình thức tiêu năng đáy, cửa van bằng thép không gỉ inox SUS304, vận hành bằng máy vitsme 2VĐ20 chạy điện kết hợp quay tay. Gia cố nền thân cống bằng cọc bê tông cốt thép kích thước (30x30)cm, chiều dài $L=33m$; gia cố nền sân trước và sân sau bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25cọc/ m^2 . Nạo vét, khai thông lòng dẫn đoạn từ cống Kim Thuông đến cống Đập Mới.

iv) Các cống tiêu khác trên đê gồm:

Cống tiêu tại cọc 28 (Km32+622), đường kính $D=1000mm$; kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép.

Cống tiêu cọc C16 (Km32+218), đường kính $D=1.000mm$; kết cấu bằng bê tông cốt thép.

v) Xây dựng mới tường rào công ngõ nhà quản lý đê Tân Giản, kết cấu móng xây đá chẻ, trụ bê tông cốt thép M200, chân tường xây gạch, lam thoáng bằng bê tông cốt thép M200

7.5. Đầu nối hoàn thiện hệ thống điện:

Đầu nối hoàn thiện hệ thống điện để vận hành các công, tràn trên đê, gồm 24 hạng mục: Nhà quản lý đê Nhơn Bình, công ngầm tràn Quy Nhơn 1, công ngầm tràn Quy Nhơn 2, công Đông Định, công Chợ Góc, công Cao Doan 1, công ngầm tràn Cao Doan 3, công Công Xi, công Ông Hộ, công Tân Lập, công Ông Ba, công Chợ Đình, công Ông Chiêu, công Vinh Quang 2, công Cái Sơn, công ngầm tràn Cái Sơn, công Lộc Thượng, công ngầm tràn Dương Thiện, công Đồng Chòi, công Kim Trì 4 cửa, công Hà Gạch, công Lão Đông, công Kim Thuông và công Đập Mới.

8. Dự toán chi phí xây dựng: 47.085.179.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 42.360.558.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 1.133.300.000 đồng;
- Chi phí hạng mục chung: 1.349.170.000 đồng;
- Chi phí dự phòng phát sinh khối lượng (5%): 2.242.151.000 đồng.

9. Nguồn vốn: Vốn Ngân sách Trung ương thông qua Chương trình Hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC) và vốn Ngân sách địa phương.

10. Phương thức thực hiện: Theo Luật Đấu thầu.

11. Thời gian thực hiện: Từ năm 2016 đến năm 2018.

Điều 2. Giao chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án, chi phí đầu tư xây dựng công trình, các quy định hiện hành khác của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định và Thủ trưởng các Sở, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K13 (12b)



Trần Châu